

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN BIÊN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **39/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 20-8-2019

V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN – TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Kim Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thân;
2. Bà Nguyễn Hồng Trang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Lợi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vĩnh – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 361/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị G (G)**, sinh năm 1973;
Cư trú tại: Tổ 4, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.
2. *Bị đơn:* Ông **Trần Thanh S**, sinh năm 1968;
Cư trú tại: Tổ 4, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/7/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – bà Lê Thị G trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Trần Thanh S tự nguyện chung sống vợ chồng năm 1990 đến nay vẫn không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống những năm đầu

hạnh phúc nhưng từ năm 2013 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bà và ông S bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi nhau. Nay bà thấy sống không hạnh phúc và không thể tiếp tục kéo dài tình trạng nên bà yêu cầu ly hôn với ông S.

- Về con chung: Bà và ông S chung sống có 03 con chung là Trần Thanh T, sinh năm 1993, Trần Thị Trúc Đ, sinh năm 1995 và Trần Thanh L, sinh năm 2000. Hiện các con đều đã trưởng thành, tự lao động nuôi sống được bản thân nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, bị đơn ông Trần Thanh S trình bày:

- Về hôn nhân: Ông và bà Lê Thị G chung sống từ năm 1990 đến nay vẫn không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống không hạnh phúc, không thể sống kéo dài tình trạng này nên ông đồng ý ly hôn với bà G.

- Về con chung: Ông và bà G có 03 con chung là Trần Thanh T, sinh năm 1993, Trần Thị Trúc Đ, sinh năm 1995 và Trần Thanh L, sinh năm 2000. Hiện các con đều đã trưởng thành, tự lao động nuôi sống được bản thân nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn bà Lê Thị G và bị đơn ông Trần Thanh S: Đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục thụ lý, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã đảm bảo theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Bà Lê Thị G và ông Trần Thanh S chung sống như vợ chồng với nhau từ năm 1990 đến nay có đủ điều kiện đăng ký kết hôn mà không đăng ký kết hôn là vi phạm Luật Hôn nhân và gia đình nên đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị G và ông Trần Thanh S.

Về nuôi con chung: Bà G và ông S chung sống có 03 con chung là Trần Thanh T, sinh năm 1993, Trần Thị Trúc Đ, sinh năm 1995 và Trần Thanh L, sinh năm 2000. Hiện các con đều đã trưởng thành, tự lao động nuôi sống được bản thân nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà G và ông S không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Bà Lê Thị G phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Lê Thị G và ông Trần Thanh S đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà G, ông S.

[2] Về hôn nhân: Bà Lê Thị G và ông Trần Thanh S chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 đến nay có đủ điều kiện đăng ký kết hôn được quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình nhưng ông, bà không đăng ký kết hôn là vi phạm Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, việc chung sống của bà G, ông S không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Nay bà G yêu cầu ly hôn căn cứ Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị G và ông Trần Thanh S.

[3] Về con chung: Bà G và ông S chung sống có 03 con chung là Trần Thanh T, sinh năm 1993, Trần Thị Trúc Đ, sinh năm 1995 và Trần Thanh L, sinh năm 2000. Các con đã trưởng thành bà G, ông S không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà G, ông S không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Lê Thị G phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị G và ông Trần Thanh S.

2. Về con chung: Bà Lê Thị G và ông Trần Thanh S có 03 con chung là Trần Thanh T, sinh năm 1993, Trần Thị Trúc Đ, sinh năm 1995 và Trần Thanh L, sinh năm 2000. Các con chung đã trưởng thành bà G, ông S không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị G và ông Trần Thanh S không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Bà Lê Thị G phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai

số 0006475 ngày 05/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; bà G đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- Chi cục THA DS huyện Tân Biên;
- Đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Mai Thị Kim Thu